

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGÔ THỊ KIỀU VÂN

**PHÁP LUẬT BẢO VỆ TÀI NGUYÊN RỪNG -
QUA THỰC TIỄN QUẢNG BÌNH**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Vũ Thị Duyên Thủy**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài	2
3. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu	5
7. Bố cục của Luận văn	5
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT BẢO VỆ TÀI NGUYÊN RỪNG	6
1.1. Một số vấn đề lý luận về tài nguyên rừng và pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng.....	6
1.1.1. Khái niệm, phân loại và vai trò tài nguyên rừng	6
1.1.1.1. Khái niệm rừng, tài nguyên rừng	6
1.1.1.2. Phân loại rừng.....	6
1.1.2. Nguyên tắc và vai trò của bảo vệ tài nguyên rừng.....	6
1.1.2.1. Nguyên tắc bảo vệ rừng	6
1.1.2.2. Vai trò bảo vệ tài nguyên rừng.....	6
1.1.3. Khái niệm và vai trò pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng	7
1.1.3.1. Khái niệm pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng	7
1.1.3.2. Vai trò pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng	7
1.2. Thực trạng pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng tại Việt Nam	7
1.2.1. Các quy định pháp luật về quy hoạch, kế hoạch bảo vệ tài nguyên rừng	7
1.2.2. Các quy định pháp luật về điều tra, kiểm kê, thống kê, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng	8
1.2.3. Pháp luật về giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng	8
1.2.4. Các quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy rừng	9
1.2.5. Tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng	9
1.2.6. Các quy định về chi trả dịch vụ môi trường rừng.....	10
1.2.7. Các quy định xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ rừng	10
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	11
CHƯƠNG 2. THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT BẢO VỆ TÀI NGUYÊN RỪNG TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH	12
2.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng ở tỉnh Quảng Bình	12
2.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình.....	12

2.1.2 Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng tỉnh Quảng Bình.....	12
2.1.2.1 Thuận lợi.....	12
2.1.2.2 Khó khăn.....	12
2.2. Đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng tại Quảng Bình.....	13
2.2.1. Thực tiễn việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ tài nguyên rừng ở Quảng Bình.....	13
2.2.2. Thực tiễn việc thực hiện việc điều tra, kiểm kê, thống kê, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.....	13
2.2.3. Thực tiễn việc thực hiện giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng và chuyển mục đích sử dụng rừng ở Quảng Bình	13
2.2.4. Thực tiễn thực hiện pháp luật về phòng cháy chữa cháy	13
2.2.5. Thực tiễn thực hiện pháp luật về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng.....	13
2.2.6. Thực tiễn thực hiện pháp luật tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng	14
2.2.7. Thực tiễn thực hiện pháp luật chi trả dịch vụ môi trường rừng.....	14
2.2.8. Thực tiễn xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng.....	14
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	14
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT BẢO VỆ TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH	15
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng	15
3.1.1. Đảm bảo thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng về bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên rừng	15
3.1.2. Đảm bảo sự thống nhất với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên	16
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng	16
3.2.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật về lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng	16
3.2.2. Hoàn thiện pháp luật về điều tra, kiểm kê, thống kê, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng	17
3.2.3. Hoàn thiện pháp luật về giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng.	18
3.2.4. Hoàn thiện pháp luật về phòng cháy chữa cháy rừng	18
3.2.5. Hoàn thiện pháp luật Quỹ bảo vệ và phát triển rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng	19
3.2.6. Hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng	20

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng ở Quảng Bình	21
3.3.1. Công tác tham mưu, phối hợp tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật.....	21
3.3.2. Tăng cường các biện pháp trong công tác bảo vệ tài nguyên rừng ..	22
3.3.3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng	22
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	23
KẾT LUẬN	23

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Được xem là lá “phôi xanh” của nhân loại, rừng là một bộ phận của môi trường sống, là tài nguyên vô cùng quý giá của mỗi quốc gia, có khả năng tái tạo, có giá trị to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học, bảo đảm an ninh - quốc phòng. Việc bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng là nhiệm vụ vô cùng quan trọng mà Đảng và Nhà nước ta đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

Pháp luật là cơ sở pháp lý cho hoạt động Quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng (BVTNR). Việc điều chỉnh lại hệ thống pháp luật về rừng đã thu hút được sự quan tâm của mọi cơ quan, tổ chức và cá nhân. Sau 14 năm thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng (BV&PTR) 2004, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Trung ương đã ban hành trên 100 văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật, các chính sách về BV&PTR tạo khuôn khổ pháp lý điều chỉnh hành vi xã hội trong lĩnh vực BV&PTR, mang lại chuyển biến quan trọng trong phát triển lâm nghiệp

Tuy nhiên, quá trình thi hành Luật đã bộc lộ những tồn tại, hạn chế, không còn phù hợp với tình hình phát triển hiện nay. Ngày 15/11/2017 Quốc hội khóa 14 thông qua Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019(LLN 2017) thay thế Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004, Luật có những điểm mới nổi bật nhưng đến nay mới chỉ trải qua 06 tháng đi vào thực tiễn, cũng bộc lộ một số vấn đề cần được xem xét cụ thể hơn.

Quảng Bình là một trong những tỉnh, thành phố có diện tích rừng lớn của Việt Nam (năm 2018: Với diện tích rừng 486.688 ha Những năm qua, việc triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng (PLBVTNR) được các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm; từng bước nâng cao vai trò, vị trí, chức năng của rừng, góp phần quan trọng trong bảo vệ tài nguyên rừng. Nhưng trên thực tế, việc áp dụng và thực hiện các quy định của pháp luật, chính sách của Nhà nước về bảo vệ rừng chưa mang lại hiệu quả cao

Qua tìm hiểu và nghiên cứu tôi nhận thấy vấn đề bảo vệ tài nguyên rừng (BVTNR) là một việc làm khẩn thiết và hữu ích, do đó đã lựa chọn đề tài: "*Pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng - qua thực tiễn Quảng Bình*" để làm luận văn thạc sĩ Luật học, chuyên ngành Luật kinh tế của mình. Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá một cách đầy đủ, có hệ thống PLBVTNR, đồng thời tìm hiểu thực tiễn thực hiện PLBVTNR trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2014-2018 nhằm giúp cho mọi người có cách nhận thức đúng đắn hơn và sử dụng khai thác rừng một cách hiệu quả. Có được một sự

hiểu biết sâu hơn, về pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng, tình hình bảo vệ rừng ở Việt Nam nói chung và cụ thể ở tỉnh Quảng Bình, để đánh giá về những mặt đã đạt được, chưa đạt được, những tồn tại, hạn chế. Thông qua đó, tác giả mạnh dạn đề xuất những giải pháp với mục đích nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật trong công tác BVTNR trên địa bàn trong những năm tiếp theo.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này với nhiều hướng tiếp cận và phát triển khác nhau. Có thể kể đến như: *“Một số vấn đề cơ bản về pháp luật bảo vệ rừng ở Việt Nam hiện nay”*, Luận văn thạc sĩ Luật học của tác giả Nguyễn Thanh Huyền, Khoa Luật-Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2004. Luận văn đã khái quát một số những vấn đề lý luận cơ bản về PLBVTNR ở Việt Nam, sau đó phân tích các quy định của pháp luật, tìm hiểu kết quả thực tế khi áp dụng PLBVTNR để thấy được hiệu quả của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với công tác này. Đồng thời đưa ra những giải pháp đổi mới, hoàn thiện pháp luật cho phù hợp với thực tiễn. *“Hoàn thiện pháp luật về quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng ở Việt Nam hiện nay”*, Luận án tiến sĩ Luật học của tác giả Nguyễn Thanh Huyền, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2012. Luận án tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật quản lý, BVTNR ở Việt Nam hiện nay và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật phù hợp với tình hình thực tế như sửa đổi các quy định pháp luật có liên quan nhằm minh bạch hóa các quyền tài sản liên quan đến tài nguyên rừng, đất rừng; đổi mới cách thức tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước đối với tài nguyên rừng, tăng cường nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho hoạt động quản lý và bảo vệ rừng. *“Pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng ở Việt Nam”*, Luận văn Thạc sĩ Luật Kinh tế của tác giả Phạm Thị Thủy, Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2014. Luận văn tìm hiểu khái niệm rừng, khái niệm tài nguyên rừng và thấy được các cách phân loại rừng theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành, các văn bản pháp luật được ban hành trong mỗi giai đoạn lịch sử. Đồng thời phân tích hiệu quả của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với công tác QLVR. *“Pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng qua thực tiễn tại Thừa Thiên Huế”*, Luận văn thạc sĩ Luật học, của La Thị Minh Thủy, Đại học Luật - Đại học Huế, năm 2017; Luận văn đã khái quát một số những vấn đề lý luận cơ bản về PLBVTNR ở Việt Nam, sau đó phân tích các quy định của pháp luật, tìm hiểu kết quả thực tế khi áp dụng PLBVTNR ở tỉnh Thừa Thiên Huế để thấy được hiệu quả của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với công tác này. Đồng thời đưa ra những giải pháp đổi mới, hoàn thiện pháp luật cho phù hợp với thực tiễn

Ngoài ra, còn phải kể đến các bài viết, báo cáo về BVTNR ở Việt Nam và bảo vệ các loài động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm như: Bài viết “*Quản lý bảo vệ rừng trên cơ sở cộng đồng*” của TS. Nguyễn Huy Dũng, Tạp chí Bảo vệ môi trường, số 12/2008; Báo cáo “*Đánh giá 10 năm thực hiện Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004*” của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2013; Bài viết “*Quản lý rừng cộng đồng hiệu quả - Bài học từ các nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn*” của tác giả Ngô Tùng Đức và Trần Nam Thắng trên Tạp chí Môi trường số 12/2015; Bài viết “*Tăng cường công tác bảo tồn các loài hoang dã nguy cấp của Việt Nam*” của TS. Hoàng Thị Thanh Nhàn và ThS. Nguyễn Thị Vân Anh, Cục Bảo tồn Đa dạng sinh học - Tổng cục Môi trường, Bài đăng trên Tạp chí Môi trường số 10/2016¹.

. Các công trình nghiên cứu, bài viết, đề tài trên đây đã chỉ ra vai trò quan trọng của PLBVTNR, Tuy nhiên, việc nghiên cứu pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về quản lý và bảo vệ rừng còn mang tính đánh giá, nhận xét chung dựa trên các số liệu quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của cả nước; chưa đi vào phân tích sâu, chưa đối chiếu với thực tiễn pháp lý và thực tiễn thực hiện tại Việt Nam theo quy định của LLN 2017 và các văn bản liên quan

3. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn được thực hiện dựa trên một số cơ sở lý luận, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam chính sách, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bảo vệ và phát triển rừng.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể như:

- Phương pháp phân tích, bình luận, diễn giải, tổng hợp để nghiên cứu các vấn đề lý luận về pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng (Chủ yếu sử dụng ở Chương 1);
- Phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh số liệu để tìm hiểu đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2014 - 2018 (Chủ yếu sử dụng ở Chương 2);
- Phương pháp phân tích được sử dụng để đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện nội dung trọng tâm của luận văn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

¹ Bùi Thị Thủy (2015), Pháp luật về quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng qua thực tiễn tỉnh Thừa Thiên Huế, Luận văn thạc sĩ, Đại học Luật Huế, Huế

Đồng thời, tác giả cũng có tham khảo các công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung luận văn để góp phần hoàn thành tốt luận văn tốt nghiệp.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là các các quan điểm, luận điểm về tài nguyên rừng; các quy định pháp luật về BVTNR trong hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam. LLN 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành còn có quy định tại một số văn bản pháp luật liên quan về BVTNR như: Luật Đất đai 2013, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 và các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan... Đồng thời xem xét, đánh giá thực tiễn thực hiện các văn bản pháp luật này tại tỉnh Quảng Bình.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận văn tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật Việt Nam về BVTNR, cụ thể là LLN 2017 và các văn bản pháp luật liên quan đến BVTNR. Tuy nhiên, trong luận văn này tác giả không có tham vọng đi sâu nghiên cứu toàn bộ nội dung điều chỉnh của pháp luật hiện hành về BV&PTR ở Việt Nam mà chỉ tập trung nghiên cứu các quy định về bảo vệ rừng như: các quy định về lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng; điều tra, kiểm kê, thống kê, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng; phòng cháy chữa cháy; phòng cháy chữa cháy; tuần tra, truy quét bảo vệ rừng; chi trả dịch vụ môi trường rừng; xử lý vi phạm bảo vệ tài nguyên rừng. Luận văn cũng tìm hiểu thực tiễn thực hiện công tác bảo vệ tài nguyên rừng của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2014-2018 để đưa ra các đánh giá làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp, phương hướng nhằm nâng cao vai trò của pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng trong giai đoạn hiện nay.

5. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực trạng pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng. Luận văn chú trọng đánh giá thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật về nội dung này trên địa bàn tỉnh Quảng Bình để đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng trong thời gian tới.

5.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa được cơ sở lý luận và các văn bản pháp luật về BVTNR ở Việt Nam hiện nay.
- Tìm hiểu, đánh giá thực trạng việc thực hiện PLBVTNR trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; qua đó chỉ ra những ưu điểm và những mặt còn hạn

ché, bất cập cần được khắc phục.

- Trên cơ sở các vấn đề lý luận và thực trạng pháp luật nêu trên, đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện PLBVTNR của nước ta hiện nay, nâng cao hiệu quả việc thực hiện PLBVTNR trên địa bàn tỉnh Quảng Bình nói riêng và của cả nước nói chung.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

- Về mặt lý luận

Luận văn phân tích một cách khái quát một số các quy định của pháp luật về vấn đề BVTNR ở Việt Nam. Đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật của công tác BVTNR ở tỉnh Quảng Bình. Thông qua đó nhận xét một số những bất cập của pháp luật Việt Nam hiện hành khi đưa vào áp dụng thực tiễn về vấn đề này. Kết quả nghiên cứu, những định hướng giải pháp của đề tài góp phần nhỏ vào việc hoàn thiện các quy định của PLBVTNR ở Việt Nam.

- Về mặt thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các sinh viên, những người nghiên cứu chuyên hoặc không chuyên về pháp luật.

7. Bố cục của Luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn gồm 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận và quy định pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng

Chương 2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng tại tỉnh Quảng Bình.

Chương 3. Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng và nâng cao hiệu quả thực hiện tại tỉnh Quảng Bình.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT BẢO VỆ TÀI NGUYÊN RỪNG

1.1. Một số vấn đề lý luận về tài nguyên rừng và pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng

1.1.1. Khái niệm, phân loại và vai trò tài nguyên rừng

1.1.1.1. Khái niệm rừng, tài nguyên rừng

LLN năm 2017 của nước ta đưa ra khái niệm về rừng như sau: “Rừng là một hệ sinh thái bao gồm các loài thực vật rừng, động vật rừng, nấm, vi sinh vật, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó thành phần chính là một hoặc một số loài cây thân gỗ, tre, nứa, cây họ cau có chiều cao được xác định theo hệ thực vật trên núi đất, núi đá, đất ngập nước, đất cát hoặc hệ thực vật đặc trưng khác; diện tích liên vùng từ 0,3 ha trở lên; độ tàn che từ 0,1 trở lên” [Khoản 3, Điều 2].

Nghị định 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành luật lâm nghiệp (NĐ 156/2018/NĐ-CP) quy định tiêu chí xác định và phân loại rừng, Điều 4 đến điều 8 quy định, một đối tượng được xác định là rừng phải đáp ứng cả 3 tiêu chí.

Tài nguyên rừng là một loại tài nguyên thiên nhiên có khả năng tái tạo, là bộ phận quan trọng của môi trường sinh thái, có giá trị to lớn bao gồm rừng tự nhiên và rừng trồng trên đất lâm nghiệp, gồm có thực vật rừng, động vật rừng và những yếu tố tự nhiên có liên quan đến rừng (gọi chung là quần xã sinh vật)

1.1.1.2. Phân loại rừng

Để đáp ứng nhu cầu quản lý, BV&PTR, pháp luật Việt Nam dựa vào mục đích chủ yếu của rừng mà phân chia thành ba loại:: Rừng đặc dụng (RDD); Rừng phòng hộ (RPH); Rừng sản xuất (RSX).

1.1.2. Nguyên tắc và vai trò của bảo vệ tài nguyên rừng

1.1.2.1. Nguyên tắc bảo vệ rừng

Bảo vệ rừng phải bảo đảm sự phát triển bền vững; Bảo vệ rừng là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình; Bảo vệ rừng phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Nguyên tắc bảo đảm hài hòa giữa các lợi ích

1.1.2.2. Vai trò bảo vệ tài nguyên rừng

Rừng đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với đời sống của con người cũng như các sinh vật khác đang tồn tại trên trái đất. Ngoài việc là ngôi nhà của rất nhiều động thực vật, thậm chí là cả con người, sự vận động của rừng cũng tác động đến cả tự nhiên và xã hội, giúp cân bằng các điều kiện sống, nâng cao chất lượng cuộc sống của con người. Cho BVTNR là góp

phần đảm bảo cho sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái của con người.

1.1.3. Khái niệm và vai trò pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng

1.1.3.1. Khái niệm pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng

Pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý và bảo vệ nguồn tài nguyên rừng. Đối tượng điều chỉnh của pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng gồm các nhóm quan hệ xã hội, các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động bảo vệ tài nguyên rừng, các hành vi vi phạm pháp luật. Các quy phạm pháp luật bao gồm các quy định về bảo vệ hệ sinh thái rừng; quy định về bảo vệ TVR và ĐVR; quy định về phòng cháy chữa cháy rừng (PCCC); quy định về phòng trừ sinh vật gây hại rừng; quy định về kinh doanh, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh TVR, ĐVR; quy định về thanh tra, kiểm tra trong công tác bảo vệ tài nguyên rừng. Bên cạnh đó pháp luật về BVTNR còn quy định rất cụ thể về các nguyên tắc BVTNR, quyền của nhà nước về BVTNR, các vấn đề phát triển rừng và sử dụng rừng, quyền và nghĩa vụ của chủ rừng, lực lượng bảo vệ rừng là Kiểm lâm và vấn đề giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng

1.1.3.2. Vai trò pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng

Thứ nhất, pháp luật quy định các quy tắc xử sự của con người khi tác động đến tài nguyên rừng.

Thứ hai, pháp luật quy định chế tài ràng buộc con người thực hiện đòi hỏi của pháp luật nhằm BVTNR

Thứ ba, pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan nhà nước trong việc BVTNR

1.2. Thực trạng pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng tại Việt Nam

1.2.1. Các quy định pháp luật về quy hoạch, kế hoạch bảo vệ tài nguyên rừng

Pháp luật Việt Nam đã có những quy định cụ thể về nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục thực hiện hoạt động này, chủ yếu trong các văn bản pháp luật: LLN 2017, Nghị định 156/2018/NĐ-CP, Thông tư số 05/2008/TT-BNN ngày 14/1/2008 của Bộ NN&PTNT hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch BV&PTR.

LLN 2017 đã thay thế Quy hoạch BV&PTR ở 4 cấp bằng quy hoạch lâm nghiệp quốc gia. Theo Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004, quy hoạch BV&PTR được lập ở 4 cấp: Trung ương, tỉnh, huyện và xã. LLN 2017 đã có thay đổi rất cơ bản là thay thế quy hoạch BV&PTR ở 4 cấp

Comment [A1]: BỒ SUNG(BS)

bằng quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia để phù hợp với Luật Quy hoạch.

Thời kỳ quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia là 10 năm; tầm nhìn từ 30 năm đến 50 năm; Quy định việc lập, lấy ý kiến, một điểm thay đổi trong quy hoạch lâm nghiệp là thời gian lấy ý kiến là 60 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tổ chức lấy ý kiến, khác so với quy định 45 ngày theo Luật bảo vệ và phát triển rừng 2004. Quy định về thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia; Cơ quan lập quy hoạch lâm nghiệp phải lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch lâm nghiệp theo quy định của pháp luật về đấu thầu

1.2.2. Các quy định pháp luật về điều tra, kiểm kê, thống kê, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng

. LLN 2017 cơ bản kế thừa quy định về kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng của Luật bảo vệ và phát triển rừng 2004; bổ sung các quy định về điều tra rừng. Điều tra rừng là nội dung mới của LLN năm 2017. Điều 33 LLN 2017 quy định nội dung điều tra rừng bao gồm: Điều tra, phân loại rừng; phân cấp mức độ xung yếu của rừng phòng hộ; Điều tra, đánh giá chất lượng rừng, tiềm năng phát triển rừng; Điều tra, đánh giá tình trạng mất rừng và suy thoái rừng; Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học trong rừng; Xây dựng và duy trì hệ thống giám sát diễn biến rừng; Đánh giá về giảm phát thải khí nhà kính do thực hiện các giải pháp hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon rừng. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện và công bố kết quả điều tra rừng toàn quốc 05 năm một lần và theo chuyên đề; chỉ đạo việc thực hiện điều tra rừng cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện điều tra rừng tại địa phương và công bố kết quả. Luật giao Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết nội dung điều tra rừng; quy định phương pháp, quy trình điều tra rừng.

Điều 34 LLN năm 2017 quy định nội dung của kiểm kê rừng; Điều 35 LLN 2017 quy định việc theo dõi diễn biến rừng

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT quy định về về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng và đã dành chương 3 để quy định nội dung này.

1.2.3. Pháp luật về giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng

Về giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, được quy định tại Mục 1, chương III LLN 2017. Theo đó:

Điều 14 LLN 2017 quy định 8 nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng,

chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng: trong đó có nguyên tắc mới được bổ sung, như: Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết khác được Chính phủ phê duyệt; Không giao, cho thuê diện tích rừng đang có tranh chấp; ...

Quy định thẩm quyền giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng của UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện (Điều 23

LLN 2017 đã quy định cụ thể ba nguyên tắc cơ bản của quản trị tốt bao gồm công khai – minh bạch, có sự tham gia giám sát của dân và trách nhiệm giải trình của cơ quan quản lý trong giao, cho thuê, thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đối với rừng và đất rừng.

Nghị định 156/2018/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng (Điều 36, 37, 38,42, 43) được thực hiện thống nhất, đồng bộ với giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Đây là điểm thay đổi căn bản so với quy định hiện hành, đã giảm các quy định về thủ tục, hành chính trong lĩnh vực này, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư khi thực hiện các hoạt động này; ngoài ra còn quy định mới về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (Điều 41) theo thẩm quyền quyết định của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

Comment [A2]: Bổ sung điểm mới

1.2.4. Các quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy rừng

PCCC rừng được quy định tại Điều 39 LLN 2017: quy định trách nhiệm của chủ rừng phải lập và thực hiện phương án PCCC rừng; chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngoài chủ rừng, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tiến hành hoạt động trong rừng, xây dựng công trình ở trong rừng, ven rừng phải chấp hành quy định về PCCC;...

NĐ 156/2018/NĐ-CP dành chương IV quy định về PCCC rừng, cụ thể: Phương án PCCC rừng; Cấp dự báo cháy rừng; Điều kiện an toàn về phòng cháy đối với khu rừng; Tổ chức, quản lý lực lượng PCCC rừng; Kiểm tra an toàn về PCCC rừng; Khắc phục hậu quả, xử lý sau cháy rừng; Trách nhiệm về PCCC rừng của chủ rừng;

1.2.5. Tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng

Chính phủ đã có nhiều chủ trương và biện pháp về phát triển kinh tế xã hội miền núi, BV&PTRR. ngày 16/5/2003 Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 12/2003/CT-TTg về việc tăng cường các biện pháp cấp

bách đề BV&PTR. Ngày 27/9/2011 Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 1685/CT-TTg về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ.

Ngoài ra còn có một số văn bản pháp luật khác như Thông tư 01/2012/TT-BNNPTNT của Bộ NN&PTNT ngày 01/01/2012 quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản quy định, sau đó được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư 40/2015/TT-BNNPTNT của Bộ NN&PTNT ngày 21/20/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ NN&PTNT quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản; Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT của Bộ NN&PTNT ngày 20/5/2011 Hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ, sau đó được thay thế bằng Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT của Bộ NN&PTNT ngày 28/6/2016 Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.

1.2.6. Các quy định về chi trả dịch vụ môi trường rừng

LLN 2017 đã dành hẳn một mục trong Chương VI, từ Điều 61 đến Điều 65 quy định về Dịch vụ môi trường rừng

LLN 2017 đã luật hóa quy định về dịch vụ môi trường rừng hiện hành, quy định khai thác lợi ích phi lâm sản từ rừng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và đời sống con người. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng được chi trả cho những người bảo vệ và phát triển rừng.

Nguyên tắc chi trả dịch vụ môi trường rừng (Điều 62): Thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng bằng tiền thông qua hình thức chi trả trực tiếp hoặc chi trả gián tiếp...

Điều 63 của LLN 2017 quy định cụ thể: Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh gây phát thải khí nhà kính lớn phải trả tiền dịch vụ về hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật

Chương V Nghị định 156/2018/NĐ-CP quy định Dịch vụ môi trường rừng, cụ thể: Mục 1 gồm 3 điều (Điều 57, 58, 59); quy định: Đối tượng phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng; Hình thức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; Mức chi trả và xác định số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng

1.2.7. Các quy định xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ rừng

Xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ rừng được thực thi theo BLHS 2015; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2013 (Luật XLVPHC) ; Văn bản hợp nhất 09/VBHN-BNNPTNT năm 2017 hợp nhất nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý

Comment [A3]: Phải lý giải quy định này có liên quan gì đến bảo vệ rừng

rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản do bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành. Ngày 10/6/2019. Nghị định 35/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp chính thức có hiệu lực (thay thế cho Nghị định số 157 năm 2013 của Chính phủ)

Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 cũng quy định một số nội dung liên quan đến xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng. Điều 125 Quy định các trường hợp, thẩm quyền, tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính. Điều 126. Xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính

Nghị định 157/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản cũng có quy định tại Điều 6. Xử lý tang vật vi phạm hành chính

Ngày 10/6/2019 Nghị định 35/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp chính thức có hiệu lực (thay thế cho Nghị định số 153 năm 2013 của Chính phủ), đây sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để Chi cục Kiểm lâm tỉnh và các cơ quan chức năng xử phạt nặng các hành vi xâm hại rừng. Trong đó, có một số điểm mới, có tính răn đe so với các quy định cũ

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Rừng là một hệ sinh thái có vai trò vô cùng to lớn đối với sự phát triển của con người. Bảo vệ rừng là trách nhiệm của tất cả chúng ta. Chính vì vậy, chúng ta cần có cách thức phù hợp để quản lý và bảo vệ rừng, mà pháp luật đóng vai trò quan trọng, đó là công cụ hữu hiệu nhất để quản lý, bảo vệ nguồn tài nguyên này.

Pháp luật BVTNR bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý và bảo vệ nguồn TNR. Hệ thống pháp luật về kiểm soát suy thoái tài nguyên rừng có vai trò quy định các quy tắc xử sự của con người khi có hoạt động tác động đến TNR; quy định chế tài ràng buộc các chủ thể khi thực hiện các hoạt động này bên cạnh đó quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan nhà nước trong việc BVTNR.

Pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng phải được điều chỉnh dựa trên hệ thống các nguyên tắc phù hợp và xác định rõ nội dung điều chỉnh làm cơ sở để phân tích thực tiễn thực hiện pháp luật tại tỉnh Quảng Bình, đưa ra

các đánh giá phù hợp trong chương 2 và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật trong chương 3.

Hệ thống pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng của Việt Nam khá đồ sộ và đầy đủ. Tuy nhiên, các quy định liên quan đến chính sách bù đắp thiệt hại cho nhóm bị thu hồi rừng; vai trò của cư dân địa phương đối với rừng; tiến độ ban hành các văn bản để tạo sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống quy định pháp luật về bảo vệ rừng còn nhiều hạn chế.

CHƯƠNG 2

THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT BẢO VỆ TÀI NGUYÊN RỪNG TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH

2.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng ở tỉnh Quảng Bình

2.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình

Quảng Bình là một tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ với diện tích 8.066,27 km², Phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh, phía Nam giáp tỉnh Quảng Trị, phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, phía Đông giáp biển Đông. diện tích rừng 486.688 ha, trong đó rừng tự nhiên 447.837 ha, rừng trồng 38.851ha, trong đó có 17.397 ha rừng thông, diện tích không có rừng 146.386 ha. Tỉnh Quảng Bình có 6 huyện, 01 thị xã và 01 thành phố với 159 xã, phường, thị trấn. Vùng dân tộc và miền núi tỉnh thuộc 06 huyện và 01 thị xã có dân tộc và miền núi. Dân số toàn tỉnh đến 31/12/2018 có 240.700 hộ, 958.554 khẩu, vùng dân tộc thiểu số và miền núi có 73.059 hộ với 290.443 khẩu

2.1.2 Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng tỉnh Quảng Bình

2.1.2.1 Thuận lợi

Tỉnh Quảng Bình có vị trí địa lý, khí hậu, hệ thống sông ngòi đa dạng, tài nguyên động thực vật phong phú cùng với sự nỗ lực, quyết tâm cao của toàn ngành lâm nghiệp. Trong những năm qua, việc xã hội hóa quản lý bảo vệ rừng toàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực và đem lại hiệu quả cao về mặt kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường

2.1.2.2 Khó khăn

Thời tiết Quảng Bình ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và đời sống của người dân cũng như ảnh hưởng lớn đến việc trồng rừng và bảo vệ rừng. Cơ sở hạ tầng đã được đầu tư, nhưng chưa đáp ứng nhu cầu, đặc biệt là việc đầu tư cho các xã vùng sâu, biên giới xa trung tâm. Một số bộ phận nhân dân trên địa bàn thiếu ý thức, trình độ dân trí không đồng đều

2.2. Đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng tại Quảng Bình

Nội dung pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng ở Việt Nam hiện nay được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Trước tiên phải kể đến LLN 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành và hàng loạt luật liên quan...

2.2.1. Thực tiễn việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ tài nguyên rừng ở Quảng Bình

Quy định pháp luật về quy hoạch, kế hoạch BVTNR đã bộc lộ một số chồng chéo, bất cập: Thẩm quyền phê duyệt, quyết định quy hoạch, kế hoạch BV&PTR chưa thống nhất với quy định trong Luật đất đai 2013. Sự tồn tại của rừng không thể nào tách khỏi đất, do đó những quy định về rừng có mối quan hệ mật thiết với những quy định trong pháp luật đất đai.

2.2.2. Thực tiễn việc thực hiện việc điều tra, kiểm kê, thống kê, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng

Các nội dung chuyên môn từ phân loại, điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng được quy định, hướng dẫn ở nhiều văn bản khác nhau; Nhiều hoạt động kỹ thuật trùng nhau; hệ thống phụ biểu không có tính liên tục; Nhiều nội dung chuyên môn chỉ mang tính tạm thời. Đồng thời, trong thực tiễn công tác quản lý, điều hành đã xuất hiện, đòi hỏi những yêu cầu mới

2.2.3. Thực tiễn việc thực hiện giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng và chuyển mục đích sử dụng rừng ở Quảng Bình

Cơ chế chính sách hưởng lợi theo Quyết định 178/2001/QĐ-TTg, ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp còn nhiều vướng mắc; quá trình thực hiện các bước giao đất, giao rừng trong các giai đoạn trước đây còn nhiều thiếu sót về quy trình kỹ thuật thực hiện và thiếu chặt chẽ về mặt thủ tục pháp lý; chưa có chính sách hưởng lợi cụ thể đối với người dân. Chưa có chế tài phù hợp để ngăn chặn các hành vi mua bán, chuyển nhượng, chuyển đổi mục đích sử dụng, chiếm dụng, khai thác, sử dụng bất hợp pháp

2.2.4. Thực tiễn thực hiện pháp luật về phòng cháy chữa cháy

Về đầu tư trang thiết bị phương tiện, dụng cụ PCCC rừng theo quy định và bảo đảm kinh phí đầu tư cho hoạt động PCCC rừng còn ít. Ban chỉ huy bảo vệ rừng- PCCC rừng các cấp hoạt động chưa hiệu quả. Công tác quản lý, PCCC rừng vẫn còn hạn chế

2.2.5. Thực tiễn thực hiện pháp luật về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng

việc trả tiền dịch vụ môi trường rừng trực tiếp bằng tiền mặt nên mất nhiều thời gian, chi phí cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro, chưa đảm bảo công khai, minh bạch. Một số đối tượng khác như cơ sở sản xuất công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ hấp thu và lưu giữ các-bon vẫn chưa được áp dụng toàn diện do thiếu quy định, hướng dẫn cụ thể. Quá trình xây dựng và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật có những điểm chưa hoàn toàn phù hợp với thực tiễn và nhu cầu mong mỏi của người dân.

2.2.6. Thực tiễn thực hiện pháp luật tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng

Trong quá trình triển khai thực hiện Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 và Nghị định 157/2013/NĐ-CP cũng đã gặp phải không ít những khó khăn, vướng mắc do một số quy định của Luật chưa rõ ràng, còn chông chéo, chưa thống nhất; có nhiều chế tài xử phạt chưa đủ mạnh để buộc các đối tượng chấm dứt hành vi vi phạm

2.2.7. Thực tiễn thực hiện pháp luật chi trả dịch vụ môi trường rừng

Quy định về đơn giá tiền dịch vụ môi trường rừng chi trả cho những người dân nghèo bảo vệ rừng còn thấp. Số lượng chủ rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng khá lớn, phân bố trên địa bàn rộng, nên khối lượng công việc của Quỹ khá nặng nề, vất vả. Về quy định pháp lý của Quỹ BV&PTR Việt Nam chưa rõ ràng dẫn đến các địa phương vận dụng khác nhau, thiếu thống nhất; việc tự chủ tài chính còn hạn chế, do đó các Quỹ tỉnh gặp nhiều khó khăn trong tổ chức hoạt động.

2.2.8. Thực tiễn xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng

Tình trạng vi phạm pháp luật về BV&PTR vẫn diễn biến phức tạp tại một số địa bàn trong tỉnh. Sự yếu kém của chủ rừng trong quản lý tài nguyên. Công tác xử lý vi phạm chưa triệt để, chỉ xử lý các đối tượng về hành vi vận chuyển mua bán, Trong việc phòng chống vi phạm việc xác minh nguồn gốc lâm sản,... vẫn còn hạn chế; Sự vào cuộc của một số cấp ủy, chính quyền địa phương còn chậm, chưa quyết liệt trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Nội dung pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng ở Việt Nam hiện nay được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Trước tiên phải kể đến LLN 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành và hàng loạt luật liên quan... Các văn bản này đã điều chỉnh hầu hết các quan hệ trong hoạt động BVTNR, bao gồm các nội dung chủ yếu: Lập quy hoạch, kế hoạch BV&PTR, thống kê theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; Giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng; PCCC rừng; Quỹ

BV&PTR; chi trả dịch vụ môi trường rừng; tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BVTNR. Tuy nhiên nội dung điều chỉnh cũng như công tác tổ chức thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng còn nhiều bất cập. Qua việc phân tích thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, tác giả rút ra một số kết luận sau:

Một là, công tác QLBRV trong những năm qua đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ ở các đơn vị, địa phương; tài nguyên rừng đã và đang được quản lý bảo vệ có hiệu quả; tình trạng phá rừng trên quy mô lớn đã được kiểm soát, kiềm chế và giảm thiệt hại, hoạt động xâm lấn rừng và nương rẫy được giám sát chặt chẽ. Các cấp, ngành thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn việc thực hiện công tác QLBRV, góp phần ngăn chặn có hiệu quả tình hình phá rừng và chống người thi hành công vụ.

Thứ hai, trên thực tế việc BVTNR chưa được thực hiện một cách có triệt để, công tác triển khai chữa cháy rừng theo phương châm 4 tại chỗ còn bất cập; nhiều vụ cháy lực lượng tham gia chữa cháy đông nhưng hiệu quả chữa cháy rừng còn thấp; Tình hình phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp tuy đã giảm so với các năm trước nhưng vẫn xảy ra tại một số địa phương. Sự phối hợp giữa chính quyền địa phương, các ngành, các lực lượng chức năng một số nơi trong phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ. Điều tra và xử lý một số vụ phá rừng trái pháp luật và thủ phạm gây cháy rừng còn chậm.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT BẢO VỆ TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng

3.1.1. Đảm bảo thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng về bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên rừng

Trong Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020 được thông qua tại

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng cộng sản Việt Nam cũng đưa ra một trong những định hướng phát triển kinh tế-xã hội là phát triển lâm nghiệp có tính bền vững, quy hoạch và có chính sách phát triển phù hợp các loại rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng với chất lượng được nâng cao.

Ngày 12/3/2014, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 30/NQ-TW về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của

các công ty nông, lâm nghiệp. Ngày 15/5/2014, Bộ Chính trị có Kết luận số 97-KL/TW về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó bao gồm việc thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng.

Trong báo cáo của Ban chấp hành TW Đảng khóa XI về các văn kiện Đại hội XII của Đảng do Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng trình bày sáng ngày 21/1/2016 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 12 của Đảng lại một lần nữa nhấn mạnh vai trò của bảo vệ môi trường nói chung trong đó có kiểm soát suy thoái tài nguyên rừng.

Ngày 12/01/2017, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 13-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, trong đó nhấn mạnh đến việc không chuyển diện tích rừng tự nhiên hiện có sang mục đích sử dụng khác

3.1.2. Đảm bảo sự thống nhất với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

Hiện nay, Việt Nam đã tham gia 12 cam kết đa phương liên quan đến lâm nghiệp, trong đó có những công ước quan trọng. Tuy nhiên, việc nội luật hóa các quy định quốc tế trong Luật Lâm Nghiệp còn chưa phù hợp hoặc thiếu cụ thể như thiếu sự thống nhất trong quy định về phân loại khu bảo tồn, thẩm quyền quyết định thành lập khu bảo tồn, thiếu các quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động của các trung tâm cứu hộ động vật... Pháp luật phải sửa đổi, bổ sung, nội luật hóa các quy định của Điều ước quốc tế phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội của Việt Nam, đảm bảo thực hiện những cam kết với cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực này.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng

3.2.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật về lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng

Thứ nhất, bổ sung Quy hoạch lâm nghiệp tỉnh vì quy định như vậy sẽ phù hợp với hệ thống quy hoạch 3 cấp (quốc gia, vùng, tỉnh) của Dự thảo Luật Quy hoạch; Phù hợp với hệ thống quy hoạch sử dụng đất (cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện)-Điều 36 Luật Đất đai 2013; Khắc phục được tình trạng nhiều đặc trưng của rừng mới được thể hiện trong quy hoạch lâm nghiệp quốc gia

Thứ hai, bổ sung Quy hoạch rừng cấp huyện. Mặc dù quy hoạch rừng cấp huyện không nằm trong hệ thống quy hoạch 3 cấp của Dự thảo Luật Quy hoạch; nhưng phù hợp với cấp quy hoạch của Luật Đất đai 2013

Thứ ba, cần làm rõ đối tượng quy hoạch lâm nghiệp Trong LLN 2017, đối tượng Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia chưa rõ là quy hoạch rừng có bao gồm cả diện tích rừng và đất chưa có rừng để phát triển lâm nghiệp

hay chỉ bao gồm diện tích có rừng. Hiện nay, công tác phân loại rừng tại địa phương chưa có sự thống nhất giữa Sở NN&PTNT và Sở TN&MT, nên số liệu về rừng không thống nhất. Do đó cần có quy định diện tích về đất có rừng của ngành tài nguyên cần tuân thủ quy định về phân loại rừng của ngành lâm nghiệp để đảm bảo tính thống nhất.

Thứ tư, Bổ sung quy định về việc phối hợp cũng như trách nhiệm của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ngành Tài nguyên và Môi trường trong việc lập quy hoạch, kế hoạch BVPTTR gắn với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất lâm nghiệp để tạo tính đồng bộ giữa quy hoạch 3 loại rừng với quy hoạch sử dụng đất;

Thứ năm, Cần cân đối nguồn ngân sách Nhà nước để bảo đảm nhu cầu kinh phí cho các hoạt động: bảo vệ rừng tự nhiên, các hoạt động công ích phục vụ bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện thu nộp về Quỹ BV&PTR để bổ sung nguồn vốn cho bảo vệ và phát triển rừng; huy động nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân, các chương trình, dự án để đầu tư phát triển lâm nghiệp. Tranh thủ sự giúp đỡ của các ngành từ Trung ương và địa phương về hỗ trợ vốn, kỹ thuật, cơ chế chính sách,... tranh thủ tối đa việc huy động các nguồn vốn từ Quỹ ủy thác lâm nghiệp (TFF) và Quỹ bảo tồn Việt Nam (VCF)...

Thứ sáu, Khuyến khích các chủ đầu tư nghiên cứu và áp dụng khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất kinh doanh nhất là công nghệ sản xuất giống và chế biến; tuyển chọn và khảo nghiệm giống; thúc đẩy công nghệ nuôi cấy mô. Tăng cường đào tạo cán bộ kỹ thuật lâm nghiệp, ưu tiên con em nông dân các dân tộc, vùng sâu, vùng xa và con em nông thôn; có chính sách thu hút và sử dụng nhân tài để thu nhận và bố trí nhằm phát huy những kiến thức của họ vào thực tế sản xuất; tăng cường công tác khuyến lâm, bồi dưỡng kiến thức và thực hành tại chỗ.

3.2.2. Hoàn thiện pháp luật về điều tra, kiểm kê, thống kê, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng

Thứ nhất, pháp luật nên bổ sung quy định về việc cấp kinh phí để thực hiện hoạt động kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cho các chủ rừng. Kinh phí này được lấy từ những nguồn tài chính để BV&PTR.

Thứ hai, cần xem xét lại quy định cấp xã báo cáo theo dõi diễn biến tài nguyên rừng. Pháp luật nên chăng có thêm quy định về sự phối hợp, hỗ trợ trong hoạt động của UBND cấp huyện đối với UBND cấp xã đặc biệt là về nhân lực và kỹ thuật trong mỗi lần thực hiện kiểm kê, thống kê và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.

Thứ ba, ban hành quy định pháp luật về quy chế phối hợp giữa các chủ thể: chủ rừng, cơ quan chuyên ngành về lâm nghiệp, chính quyền địa

phương trong việc thu thập, cập nhật số liệu thường kỳ về phát triển rừng, việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đánh giá chất lượng rừng, cháy rừng, phá rừng, lập bản đồ theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp để số liệu về tình hình kiểm soát suy thoái tài nguyên rừng được cập nhật một cách thường xuyên và có chất lượng.

Thứ tư, Hoạch định chính xác diện tích, chất lượng rừng và quỹ đất quy hoạch cho phát triển rừng, thiết lập hệ thống dữ liệu quản lý rừng thống nhất trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến (ảnh viễn thám độ phân giải cao) cùng với điều tra, kiểm kê trên thực địa.

3.2.3. Hoàn thiện pháp luật về giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng.

Thứ nhất, bổ sung nội dung quản trị rừng trong giao rừng, chuyển đổi rừng Nội dung quản trị rừng tự nhiên đã được thể hiện trong quy hoạch lâm nghiệp quốc gia. Cụ thể đã đưa vào nguyên tắc thứ 4 của Lập quy hoạch lâm nghiệp quốc gia là “Đảm bảo sự tham gia của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, đảm bảo công khai, minh bạch và bình đẳng giới” (điểm d, khoản 1, điều 10 LLN 2017). Kiến nghị nội dung của nguyên tắc này cần được bổ sung vào nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng.

Thứ hai, đề nghị Chính phủ ban hành bổ sung về cơ chế, chính sách hưởng lợi cho các tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân tham gia nhận đất, nhận rừng. Đồng thời quy định chế tài xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành liên quan bố trí vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng rừng đối với các dự án sử dụng ngân sách Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông thôn miền núi đã hoàn thành dự án trước thời điểm Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT có hiệu lực

Thứ tư, rà soát lại năng lực đầu tư phát triển rừng của các chủ thể đã được Nhà nước giao đất, giao rừng hoặc cho thuê đất, thuê rừng để có giải pháp hợp lý thúc đẩy sản xuất lâm nghiệp. Các địa phương xây dựng phương án, kế hoạch cụ thể về giao đất, giao rừng hoặc cho thuê đất, thuê rừng để thực hiện.

3.2.4. Hoàn thiện pháp luật về phòng cháy chữa cháy rừng

Thứ nhất, cần có văn bản QPPL quy định về vấn đề việc địa phương ban hành văn bản quy phạm pháp luật về PCCC rừng: Điểm a Khoản 1 Điều 102 Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định UBND cấp tỉnh: “Ban hành theo

Comment [A4]: Chương 1 không viết nội dung này

thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp, quyết định chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp bền vững tại địa phương”; Khoản 2 Điều 46 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật lâm nghiệp quy định: “ UBND cấp tỉnh nơi có rừng ban hành cấp dự báo cháy rừng và các bảng tra cấp dự báo cháy rừng”.

Thứ hai, Nhà nước cần đầu tư các trang thiết bị chữa cháy để bảo vệ các diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trọng điểm.

Thứ ba, Chúng ta nên tập trung việc nâng cao năng lực phòng cháy rừng là mục tiêu quan trọng trước mắt. Các cơ quan chức năng như Kiểm lâm, UBND cấp xã có trách nhiệm giúp các chủ rừng thiết kế, hướng dẫn xây dựng các công trình phòng cháy rừng như tạo lập đai trắng, đai xanh trong PCCCR. Thiết kế xây dựng kênh rạch phù hợp đối với các diện tích rừng ngập mặn; tư vấn trồng các loài cây ít có khả năng cháy trong những vùng có điều kiện thời tiết khô, nóng nắng kéo dài trong năm.

Thứ tư, xây dựng nguồn nhân lực tham gia chữa cháy ở cơ sở cần được sự quan tâm của chính quyền cơ sở đặc biệt là cấp xã, các thôn, bản. cũng như sự tham gia của các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội như: Hội nông dân, Đoàn thanh niên vào công tác chữa cháy rừng.

3.2.5. Hoàn thiện pháp luật Quỹ bảo vệ và phát triển rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng

Thứ nhất, để đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng. Nên thống nhất thanh toán tiền DVMTR không bằng tiền mặt mà qua tài khoản ngân hàng hoặc giao dịch thanh toán điện tử đối với tất cả các chủ rừng là tổ chức; chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư....

Thứ hai, nên áp dụng chi trả DVMTR đối với dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các - bon của rừng một cách toàn diện

Thứ ba, tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của các cấp chính quyền và mọi người dân về bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học bằng các hình thức in pano, áp phích tuyên truyền; xây dựng các chương trình truyền thông, đưa thông tin QLVR về cơ sở; các chuyên mục, phóng sự thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức các lớp tập huấn bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

Thứ tư, Hoàn thiện các quy định pháp luật này theo hướng vừa có ảnh hưởng tích cực tới sự phát triển của các loài thực vật, động vật hoang dã ngoài thiên nhiên vừa đảm bảo được các lợi ích chính đáng của cộng đồng về thu nhập, sinh kế.

Hoàn thiện pháp luật về chi trả dịch vụ môi trường rừng cần phải:

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu đề xuất tăng mức thu tiền dịch vụ môi trường rừng để không thấp hơn so với giá trị do dịch vụ môi trường rừng tạo ra.

Thứ hai, kiên quyết xử lý đơn vị có sử dụng dịch vụ môi trường rừng theo quy định, tránh tạo tiền lệ xấu cho các đơn vị khác. Tăng cường thực thi chế tài xử phạt vi phạm hành chính trong quá trình thực thi chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với cơ sở sử dụng dịch vụ môi trường rừng chậm trả, không kê khai, ký hợp đồng nộp tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng

Thứ ba, nên áp dụng và đưa ra hướng dẫn về chi trả theo hình thức trực tiếp

Thứ tư, nghiên cứu và ban hành hướng dẫn chi trả đối với dịch vụ môi trường rừng chưa thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Thứ năm, có thể sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng cho những phúc lợi công cộng như đường xá, trường học, y tế, khuyến học... sẽ giúp cộng đồng có nhận thức tốt hơn và gắn kết với nhau hơn trong hoạt động BV&PTR.

Thứ sáu, tăng cường giám sát kết quả bảo vệ rừng, giám sát kết quả bảo vệ rừng sẽ giúp cho việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng chính xác hơn, gắn kết quả bảo vệ rừng với quyền lợi từ chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Thứ bảy, cần ban hành quy định về minh bạch tài chính khi thu tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

3.2.6. Hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng

Thứ nhất, tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện nội dung pháp luật về cơ chế pháp lý về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ rừng. Đặc biệt là có quy định rõ ràng hơn về chế độ trách nhiệm pháp lý về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này, vì trên thực tế quy định về chế độ trách nhiệm pháp lý là cơ sở cho hoạt động xử lý vi phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Thứ hai, Đối với pháp luật giải quyết tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng rừng, quyền sử dụng đất cần có cách giải quyết thống nhất. Những diện tích rừng, đất rừng tranh chấp cần tuân thủ đúng các quy định về giao đất, cho thuê đất, giao rừng, cho thuê rừng trong từng thời kỳ. Các cơ quan xét xử cần căn cứ vào quy định về giao đất, cho thuê đất, tránh tình trạng kháng án kéo dài, nhiều cấp, nhiều năm.

Thứ ba, về việc xử phạt vi phạm hành chính, nhiều quyết định xử phạt không thi hành được vì các chủ thể bị xử phạt không có tiền để nộp phạt.

Comment [A5]: Gộp vào 1 mục

Hơn nữa đối với các diện tích rừng đã bị chặt phá, đã bị thiêu cháy, các loài động vật hoang dã bị giết hại thì cho dù xử phạt hay áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả thì các giá trị sinh học, giá trị môi trường không thể phục hồi được. Vì vậy, hoàn thiện pháp luật xử lý vi phạm này cần nhiều biện pháp tổng hợp mang tính ngăn chặn không để vi phạm diễn ra chứ không chỉ là tăng mức xử phạt.

Thứ tư, đối với việc xử lý vi phạm hình sự đối với các tội xâm phạm chế độ quản lý, bảo vệ rừng, cần hoàn thiện nhất là nâng cao năng lực của lực lượng Kiểm lâm trong quy trình điều tra, khởi tố hình sự vụ án. Hiện nay, 91% vụ án vi phạm quản lý, bảo vệ rừng đã khởi tố nhưng không xét xử được và lại chuyển sang xử phạt hành chính, nguyên nhân chính là do kết quả điều tra chưa rõ ràng.

Thứ năm, sửa đổi điểm d, khoản 2 Điều 233 BLHS 2015 thành “*Cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng, đất trồng rừng trái pháp luật từ 12.500 mét vuông (m²) đến dưới 17.000 mét vuông (m²) đối với rừng sản xuất; từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 15.000 mét vuông (m²) đối với rừng phòng hộ hoặc từ 7.500 mét vuông (m²) đến dưới 12.000 mét vuông (m²) đối với rừng đặc dụng*” để không bị trùng lặp mô tả hành vi với điểm b, khoản 3 điều này, tạo nên sự minh bạch, rõ ràng cho các chủ thể khi áp dụng quy định của pháp luật trong các vụ việc cụ thể.

Thứ sáu, sửa đổi quy định tại điểm c, khoản 5, điều 3 Nghị định 35/2019/NĐ-CP là Phương tiện vi phạm hành chính gồm: các loại xe đạp, xe thô sơ, xe mô tô; các loại xe cơ giới đường bộ, tàu thủy, thuyền, ca-nô, sà lan, động vật, con người và các phương tiện khác được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

Comment [A6]: BS

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng ở Quảng Bình

3.3.1. Công tác tham mưu, phối hợp tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng

Thứ hai, chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Tranh thủ tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn tài trợ nước ngoài (vốn ODA, vay ưu đãi và hỗ trợ quốc tế...) cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Thứ ba, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể nhân dân, các hội, hiệp hội tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch, chương trình hành động triển

khai thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng" và phong trào "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác" hằng năm.

Thứ tư, chủ động, phối hợp với các cơ quan báo chí đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

3.3.2. Tăng cường các biện pháp trong công tác bảo vệ tài nguyên rừng

Thứ nhất, khẩn trương rà soát, đánh giá, kiểm soát chặt chẽ các quy hoạch, dự án phát triển kinh tế, xã hội có tác động tiêu cực đến diện tích, chất lượng rừng.

Thứ hai, đẩy nhanh tiến độ điều tra, đo đạc, xây dựng hồ sơ quản lý, phân định, đánh mốc ranh giới các loại rừng trên bản đồ và thực địa đến đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn; ranh giới lâm phận quốc gia và ranh giới quản lý rừng của các chủ rừng.

3.3.3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng

Thứ nhất, xác định rõ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương

Thứ hai, tăng cường sự phối hợp hiệu quả giữa các bộ, ngành Trung ương và địa phương để thực hiện quyết liệt, hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật.

Thứ ba, đẩy mạnh trồng rừng phòng hộ ven biển, ven sông, rừng đầu nguồn; trồng rừng mới, trồng lại rừng sau khai thác; khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh phục hồi, bổ sung rừng, nâng cao giá trị đa dạng sinh học, khả năng cung cấp lâm sản, khả năng phòng hộ và các giá trị khác của rừng...

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên rừng cần đảm bảo thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng về bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên rừng; Đảm bảo sự thống nhất với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đồng thời xây dựng một số văn bản pháp luật mới trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên rừng.

Thứ hai, các giải pháp hoàn thiện pháp luật cần thiết phải xây dựng cơ chế chính sách và giải pháp quản lý bảo vệ rừng; đồng thời gắn với các chương trình và kế hoạch hành động ưu tiên nhằm tăng cường trách nhiệm và bảo đảm các điều kiện cơ bản để thực hiện có hiệu quả công tác quản lý bảo vệ rừng.

Thứ ba, việc sửa đổi, bổ sung pháp luật cần bám sát vào những hạn chế, thiếu sót cũng như thực tiễn thi hành của các văn bản pháp luật hiện hành, từ đó có những phương án, kế hoạch ban hành hệ thống pháp luật mới phù hợp với thực tiễn cũng như dự đoán trước được những vấn đề cần điều chỉnh sẽ phát sinh trong tương lai.

Thứ tư, cùng với việc triển khai các giải pháp hoàn thiện pháp luật thì các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật cũng cần chú trọng thực hiện.

KẾT LUẬN

Việt Nam là một đất nước có 3/4 là đồi núi với một hệ sinh thái rừng đa dạng và phong phú nhưng do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan sự đa dạng ấy đang bị mất dần đi, tài nguyên rừng dần dần thu hẹp lại. Điều đó đặt ra yêu cầu chúng ta phải thực hiện nhiều biện pháp để BVTNR mà một trong những biện pháp quan trọng nhất là sử dụng hệ thống pháp luật.

Từ kết quả nghiên cứu ta có thể thấy được: Nhà nước đã ban hành nhiều đạo luật để thực hiện BVTNR và bảo vệ các loài động vật rừng và thực vật rừng như: LLN 2017; ... và nhiều văn bản dưới Luật khác. Hệ thống các quy định của pháp luật về BVTNR của Việt Nam hiện nay khá hoàn thiện, đầy đủ và, đã có những điểm đổi mới nhất định để phù hợp với thực tế cuộc sống. Tuy nhiên, thực trạng thực thi pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng hiện nay còn nhiều thiếu sót. Tình trạng vi phạm pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng diễn ra thường xuyên với các thủ đoạn tinh vi gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng.

Để thực hiện việc BVTNR Việt Nam một cách bền vững, mỗi ngành khoa học lại có cách tiếp cận và đề xuất riêng. Dưới góc độ luật học, tác giả nghiên cứu các quy định pháp luật BVTNR ở Việt Nam hiện nay và đề

xuất các giải pháp phù hợp. Với cách thức tiếp cận từ khía cạnh pháp luật, luận văn đã nghiên cứu và luận giải được các vấn đề về:

Những vấn đề lý luận chung về tài nguyên rừng và pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng như phân tích, bình luận và làm rõ các khái niệm, nguyên tắc, vai trò BVTNR, đánh giá vai trò của pháp luật BVTNR cũng như xác định các yêu cầu đối với pháp luật BVTNR

Hệ thống các quy định pháp luật về BVTNR của Việt Nam hiện nay khá đồ sộ và cũng có những điểm tiến bộ nhất định nhưng vẫn còn không ít những hạn chế cản trở sự phát triển bền vững tài nguyên rừng. Để có thể hoàn thiện các quy định pháp luật này, cần phải làm rõ được các tồn tại, hạn chế. Luận văn đã phân tích một cách khá đầy đủ, chi tiết và sâu sắc những tồn tại, hạn chế đó, cũng như chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó.

Luận văn đã đưa ra các định hướng và đề xuất các giải pháp tương đối cụ thể nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật BVTNR ở Việt Nam hiện nay. Định hướng hoàn thiện pháp luật BVTNR phải đảm bảo thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng về bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên rừng; Đảm bảo sự thống nhất với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đồng thời xây dựng một số văn bản pháp luật mới trong lĩnh vực BVTR.

Các giải pháp cụ thể như sửa đổi, hoàn thiện các quy định pháp luật về lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng; điều tra, kiểm kê, thống kê, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng; PCCC; tăng cường biện pháp tuần tra, truy quét bảo vệ rừng; chi trả dịch vụ môi trường rừng; xử lý vi phạm bảo vệ tài nguyên rừng. Cùng với việc triển khai các giải pháp hoàn thiện pháp luật thì các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật cũng cần chú trọng thực hiện. Đây chính là cơ sở để tổ chức thực hiện pháp luật và bảo đảm cho pháp luật BVTNR được thực thi có hiệu quả.

Tóm lại, nghiên cứu pháp luật về BVTNR là một lĩnh vực mới mẻ, với nhiều vấn đề phức tạp. Đây là công trình đầy tâm huyết và công phu của tác giả với mục đích tìm ra những điểm phù hợp và những điểm còn hạn chế của hệ thống pháp luật về QL&BVTNR của nước ta, trên cơ sở đó đề xuất các khuyến nghị sửa đổi cho phù hợp. Tuy nhiên, đây là một lĩnh vực pháp luật rộng lớn, liên quan đến rất nhiều ngành luật khác nhau và các lĩnh vực nghiên cứu của các ngành khoa học khác. Vì vậy, trong quá trình nghiên cứu không thể tránh khỏi các thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được sự góp ý của tất cả các chuyên gia, các nhà quản lý cũng như của độc giả để đề tài nghiên cứu này được hoàn thiện hơn.